

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :304

sáng; Bún thốt ga cá rô t sai ngo gai gia nam
Sữa grow
Trưa : Cơm cá thu sốt thơm cá chua, canh
rau ngọt nấu mọc thốt nam bao ngô
Mon xao: nấu nấu
Xe: sữa Grow
Xe chiều: Mì quảng thốt nam cá rô t su su bắp
gia trồng cut ngo rí

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36986				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (múi)	2,000	1,060	21,200
2	Nam bao ngô*	600	12,920	77,520
3	Cá thu	8,000	33,600	2,688,000
4	Nhớt măm Cá (loại 1)	4,000	5,940	237,600
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nhớt cat	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ máy	17,000	2,630	447,100
9	Ngô (bắp) tươi	1,000	3,990	39,900
10	Hạnh lã	1,500	5,360	80,400
11	Hạnh củ tươi	1,000	5,780	57,800
12	Nam rô	1,000	13,130	131,300
13	Cá rô	6,000	5,460	327,600
14	Su su	1,000	3,050	30,500
15	Gia nấu xanh	2,000	2,520	50,400
16	Rau mùi tau (ngô gai)	100	6,410	6,410
17	Sai	300	2,840	8,520
18	Rau ngọt	5,500	5,150	283,250
19	Nấu nấu	3,500	3,990	139,650
20	Rau ngô (Rau mùi)	100	8,820	8,820
21	Cá chua	3,500	5,670	198,450
22	Bún	18,000	1,710	307,800
23	Gio thu lớn	2,000	16,500	330,000
24	Mì sợi	20,000	4,950	990,000
25	Thốt lớn nạc	6,000	18,060	1,083,600
26	Thốt ga loại 1	3,000	12,920	387,600
27	Dầu ta	1,000	2,940	29,400
28	Trồng cut	3,200	13,000	416,000
Cong				8,722,320
	*XUAT KHO			
29	Sữa bột Abbot Grow	12,300	20,500	2,521,500
Cong				2,521,500
Tổng tiền thức phẩm				11,243,820 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nhớt chi trong ngày				11248000(đ)
Số đồ nấu ngày				0(đ)
Số đồ cuối ngày				4180(đ)
Xuất ăn luy kê tổ nấu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tổ nấu tháng				
Tiền chi luy kê tổ nấu tháng				